

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST.

Ngày: 06 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST – DS, ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Khắc Tr; sinh năm 1957; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr2; sinh năm 1962; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị H; sinh năm 1962; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Khắc Tr (là nguyên đơn); là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2020).

2. Bà Lâm Thị L; sinh năm 1963; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh

Nam Định.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Tr2 (là bị đơn); là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2020).

- Người làm chứng:

1. Cụ NLC1; sinh năm 1926; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Bà NLC2; sinh năm 1952; cư trú tại: Xóm 5, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Bà NLC3; sinh năm 1957; cư trú tại: Xóm Xuân Tiên, xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. Ông NLC4; sinh năm 1954; cư trú tại: Xóm 3, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

5. Ông NLC5, sinh năm 1943; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

6. Ông NLC6, sinh năm 1947; cư trú tại: Xóm 6, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Khắc Tr trình bày:

Năm 1994, ông và vợ là bà Phạm Thị H có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tr2 diện tích đất 0,5 sào thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 59 có chiều rộng theo mặt đường là 5,5m, chiều sâu khoảng 31m. Khi mua bán đất giữa ông và ông Tr2 chỉ có viết giấy tay, tự do đặc, xác định mốc giới, không có ai chứng kiến ngoài hai bên, rồi đưa cho cán bộ địa chính xã là ông NLC4 để ông Liệu làm thủ tục. Năm 1997, ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ theo số liệu bản đồ địa chính, không có việc đo đạc nhận đất lại. Ông không lưu giữ giấy tờ gì về việc chuyển nhượng. Giá khi đó là 21 chỉ vàng, vàng giá khoảng hơn 400.000 đồng/chỉ. Đất ông vẫn để trống, chưa sử dụng. Năm 2019, ông có ý định làm nhà cho con, khi ông ra đo lại thì không đủ chiều ngang là 5,5m, hiện tại chiều rộng mặt đường chỉ có 5m do ông Tr2 đã xây 2 đoạn tường và nhà từ nhiều năm trước. Việc này do ông Tr2 đã xây công trình vào đất đã chuyển nhượng cho ông, xâm phạm vào đất của ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Nay ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định ranh giới là đường thẳng chạy theo tường nhà ông Tr2 qua đó xác định ông Tr2 đã xây lấn đất đã chuyển nhượng cho ông theo chiều mặt đường là 0,5m (phía Bắc); mặt phía trong (phía Nam) là 0,7m; diện tích lấn chiếm là 19m² (trong đó có 3m² thuộc quy hoạch

giao thông) Ông không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, cũng như không có tranh chấp đất với các hộ liền kề.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn Tr2 trình bày:

Ông được thừa hưởng thừa đất từ bố ông cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1970) và mẹ ông cụ NLC1. Được mẹ ông và anh em của ông nhất trí, ông có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Tr nhưng cụ thể không như ông Tr trình bày. Năm 1994 ông chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tr là 0,4 sào đất, bán bằng vàng, đầu tiên ông Tr nói mua 0,5 sào nhưng đến khi trả vàng chỉ có đủ vàng mua 0,4 sào đất. Sau khi đã thỏa thuận xong, gia đình ông đã viết giấy rồi giao đất cho vợ chồng ông Tr, Giấy viết tay này ông Tr giữ đã đưa cho ông Liệu để làm thủ tục chuyển tên. Riêng ông còn giữ một Giấy viết tay giao nhận vàng chuyển nhượng, không đề cập về diện tích đất. Ông Tr được đưa tên trong hồ sơ địa chính và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào ông không quan tâm và ông không biết. Ông đã bàn giao đất cho ông Tr chỉ có 0,4 sào đất và chiều mặt đường chỉ có 5m. Thực tế năm 1987 ông xây nhà, năm 1993 thì sửa lại, đến 2012 thì xây nhà quay mặt đường cùng hai đoạn tường như hiện trạng. Ông Tr không có căn cứ gì về việc ông đã chuyển nhượng cho ông Tr 5,5m mặt đường và xác định ranh giới vượt qua công trình mà ông đang sử dụng. Nếu ông Tr thiếu đất chiều mặt đường thì có thể do việc làm ngõ đi từ hộ NLC5 và NLC6 ở bên trong lấn vào đất của ông Tr. Nay ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Tr2, xác định ranh giới theo bức tường mà ông đã xây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H: Bà thống nhất với chồng là ông Trần Khắc Tr và ủy quyền toàn bộ cho ông Tr tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L: Bà thống nhất với ý kiến của chồng là ông Nguyễn Văn Tr2 và ủy quyền toàn bộ cho ông Tr2 tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan trong vụ án.

Người làm chứng là cụ NLC1: Cụ đã cho toàn bộ đất của cụ và chồng là cụ H cho con trai là ông Nguyễn Văn Trúc. Nay cụ không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì trong vụ án và xin vắng mặt tại Tòa án.

Người làm chứng bà NLC2 và bà NLC3 cùng trình bày: Các bà là chị em ruột của ông Tr2, nhất trí về việc phân chia đất của tổ tiên cho ông Nguyễn Văn Tr2. Nay các bà không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì trong vụ án và xin vắng mặt tại Tòa án.

Người làm chứng ông NLC5 và ông NLC6 đều trình bày: Các ông không có tranh chấp gì với ông Nguyễn Văn Tr2 trong việc xác định ranh giới giữa ngõ chung đi từ nhà các ông ra mặt đường với đất của ông Tr2. Ranh giới đã được các ông xác định với ông Tr2 theo mép ngõ bê tông hiện nay mà các ông đã xác

định khi Tòa án tiến hành đo đạc.

Người làm chứng ông NLC4 trình bày: Ông là cán bộ địa chính xã B từ năm 1989 đến năm 1999. Năm 1994, ông Tr2 có viết giấy tay chuyển nhượng đất cho ông Tr, chiều dài mặt đường là 5,5m; giấy viết tay này không được ông lưu vào hồ sơ địa chính. Khi đo đạc vào năm 1995, các bên đã xác định số đo để đoàn đo đạc đo vẽ vào Bản đồ năm 1997.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn xác định là 19m² (trong đó có 3m² thuộc quy hoạch chỉ giới giao thông) cụ thể số đo cạnh phía Bắc là 0.5m, cạnh phía Nam 0.7m, cạnh phía Đông và Tây là 33.8m. Trên phần ranh giới tranh chấp ông Tr2 đã xây tường bao, nhà kiên cố có ô văng tạo ra hiện trạng sử dụng;

Diện tích đất hộ ông Tr2 đang sử dụng không tính phần đất tranh chấp là 599m² (trong đó có đất quy hoạch giao thông là 124m² và phần đất chưa thống nhất với hộ anh Lai (liền kề) là 18m²)

Diện tích đất hộ ông Tr là 155m² (trong đó có đất quy hoạch giao thông là 34m²), thửa đất nằm giữa đất hộ ông Tr2 và ngõ đi chung từ hộ NLC6 và hộ NLC5 ra đường quốc lộ; đất chưa sử dụng.

Ngõ chung đi từ hộ ông NLC6 và ông Đỗ Văn Dương giáp cạnh Nam và cạnh Đông của thửa đất của ông Trần Khắc Tr có chiều rộng ở phía mặt đường là 2,3m; ngõ đã được đổ bê tông.

Giá trị quyền sử dụng đất hiện đang tranh chấp là: 20.000.000đ/m² (hai mươi triệu đồng một mét vuông).

Ý kiến của chính quyền xã B và qua hồ sơ địa chính cho thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp mang tên hộ cụ Hòe, thể hiện tại Bản đồ địa chính xã B lập năm 1983, tại thửa số 46 tờ bản đồ số 14 diện tích 596m². Tại Bản đồ địa chính lập các năm 1997, năm 2004, năm 2011 đều thể hiện thửa đất này được tách làm 2 thửa: thửa số 58 mang tên ông Tr2 diện tích 515m² (đất quy hoạch giao thông 80m²), thửa số 59 mang tên ông Tr diện tích 160m² (đất quy hoạch giao thông 25m²). Không có tài liệu xác định việc chuyển quyền sử dụng đất từ cụ Hòe sang cho ông Tr2, ông Tr. UBND xã không lưu giữ giấy viết tay về việc chuyển nhượng đất từ ông Tr2 cho ông Tr như các đương sự trình bày. Các bên tự đo đạc, thống nhất với nhau về diện tích cũng như ranh giới. Khi đo đạc làm bản đồ địa chính thì hộ ông Tr2 được đưa tên vào Bản đồ. Việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Tr2 năm 1997 là căn cứ vào dữ liệu Bản đồ năm 1997, diện tích là 135m²; cấp đồng loạt cho các hộ dân trong xã đã trừ chỉ giới giao thông. UBND xã không lưu giữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận. Việc thay đổi diện tích các thửa đất có nhiều nguyên nhân trong đó có việc mở đường, việc các bên tự xác định mốc giới khi đo đạc có thay đổi.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao Thủy xác định tại Công văn số 17 ngày 22/4/2020: Hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Tr2 và hộ ông Tr bị thất lạc.

Tại Công văn số 01/YC-VKS-DS ngày 16/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy thu thập chứng cứ và làm rõ:

“Tại biên bản làm việc ngày 10/12/2019 giữa chính quyền địa phương xã B và ông Tr, ông Tr2. Ông Phạm Văn An cán bộ địa chính thông báo diện tích đất các cạnh liền kề, số đo hiện trạng của hộ ông Tr2 và ông Tr. Cụ thể đất của nhà ông Tr2 trên hồ sơ địa cạnh phía Bắc là 16.3m, cạnh phía Nam là 16.1m. Đất của nhà ông Tr trên hồ sơ cạnh phía Nam và phía Bắc đều là 5,5m. Tòa án cần làm rõ nội dung hồ sơ mà ông An nói là hồ sơ nào? Có căn cứ pháp lý hay không?

Tại trích lục bản đồ giải thửa (hoặc trích lục khu đo đất) do UBND xã B cung cấp cho ông Tr thể hiện đất hộ ông Tr có cạnh phía Bắc là 5.5m; cạnh rộng phía Nam 4.1m; cạnh vát phía Đông Nam 3.1m. Tòa án cần làm rõ số liệu trên bản đồ này dựa trên cơ sở pháp nào, căn cứ pháp lý?

Làm rõ tính pháp lý của bản đồ địa chính các năm 1997, 2004, 2011 về diện tích đất của thửa đất hộ ông Tr và ông Tr2.

Cần thu thập bản đồ giải thửa đất hộ ông Tr2.

Làm rõ căn cứ vì sao ông Tr xác định ranh giới đất giữa nhà ông và nhà ông Tr2 phía Nam là 0,7m về phía đất nhà ông Tr2”.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ theo Công văn số 01 ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Thửa số 58 và thửa đất số 59 cùng tờ bản đồ số 14, bản đồ xã B, hiện chủ sử dụng lần lượt mang tên Nguyễn Văn Tr2 và Trần Khắc Tr. Ông Tr và ông Tr2 tranh chấp phần đất giáp ranh giữa hai thửa đất của hai hộ: nguyên đơn là ông Tr yêu cầu xác định ranh giới giữa hai thửa đất và yêu cầu bị đơn là ông Tr2 trả lại phần đất mà ông cho rằng ông Tr2 đã lấn chiếm. Các đương sự không yêu cầu giải quyết quan hệ pháp luật nào khác. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Thửa đất của hộ ông Trần Khắc Tr và hộ

ông Nguyễn Văn Tr2 đều có nguồn gốc đất mang tên cụ Hòe (là bố của ông Tr2). Hộ ông Tr nhận chuyển nhượng của ông Tr2 vào năm 1994. Các đương sự không thống nhất về diện tích đất chuyển nhượng, ông Tr2 xác định chỉ chuyển nhượng 0,4 sào; ông Tr lại xác định nhận chuyển nhượng 0,5 sào; tuy nhiên các bên đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như thừa nhận của cả ông Tr và ông Tr2, các bên chỉ làm Giấy viết tay rồi được cán bộ địa chính xã làm thủ tục, sau đó được chuyển tên, tách thửa đất của cụ Hòe thành 2 thửa đất: thửa của hộ ông Tr2 và thửa của hộ ông Tr trên bản đồ địa chính. Như vậy, việc chuyển nhượng không đúng theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 Luật đất đai năm 1993 (Luật có hiệu lực thời điểm chuyển nhượng). Tuy nhiên sau đó vào năm 1997, hộ ông Trần Khắc Tr đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cùng thời điểm này hộ ông Nguyễn Văn Tr2 cũng được cấp Giấy chứng nhận. Hiện nay các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hòe là cụ NLC1 cùng các con là bà NLC2, NLC3 cũng như chính ông Nguyễn Văn Tr2 đều nhất trí việc chuyển nhượng, không ai đề nghị giải quyết quyền lợi liên quan đến đất của cụ Hòe để lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề đánh giá tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các hộ đã nêu, chỉ xem xét, đánh giá việc hộ ông Tr2 có lấn đất của hộ ông Tr cũng như việc xác định ranh giới như yêu cầu khởi kiện hay không.

[3] Không có căn cứ chứng minh về trình tự, thủ tục chuyển nhượng đất của hộ ông Nguyễn Văn Tr2 cho hộ ông Trần Khắc Tr. Giấy viết tay chứng minh về diện tích chuyển nhượng như các đương sự trình bày là do ông Trần Khắc Tr giữ để chuyển cho chính quyền làm thủ tục cũng không được lưu giữ. Việc xác định của ông NLC4 cán bộ địa chính xã B thời điểm năm 1994 là đã chứng kiến việc bàn giao đất giữa ông Tr2 và ông Tr (với số đo chiều mặt đường 5,5m) mâu thuẫn với lời thừa nhận việc ông Tr, ông Tr2 về việc tự giao nhận đất không có ai chứng kiến. Như vậy, không có căn cứ chứng minh về diện tích, số đo chiều dài các cạnh đất mà hộ ông Tr đã nhận chuyển nhượng của hộ ông Tr2.

[4] Diện tích đất của hai thửa đất tranh chấp đều thay đổi qua các lần đo đạc do nhiều lý do khác nhau: Khi thửa đất của cụ Hòa chưa được tách, có diện tích 596m². Tại Bản đồ địa chính lập, chỉnh lý các năm 1997, năm 2004, năm 2011 đều thể hiện thửa đất này được tách làm 2 thửa: thửa số 58 mang tên ông Tr2 diện tích 515m² (bao gồm đất quy hoạch giao thông 80m²), thửa số 59 mang tên ông Tr diện tích 160m² (bao gồm đất quy hoạch giao thông 25m²). Như chính quyền địa phương xác định diện tích đất các thửa thay đổi là do làm đường giao thông, việc xác định mốc giới với các hộ liền kề mỗi lần đo đạc thay đổi; hơn nữa có việc sai số trong đo đạc. Vì vậy, trong vụ án này không thể căn cứ vào diện tích đất của mỗi hộ có theo số liệu để xem xét có việc lấn chiếm đất hay không.

[5] Ông Nguyễn Văn Tr2 xây nhà và 2 đoạn tường bao phân định ranh giới với thửa đất của hộ Trần Khắc Tr như hiện trạng. Ông Tr sinh sống gần các thửa đất và qua lại thửa đất của mình, biết rõ việc xây dựng nhưng không có ý

kiến gì về ranh giới ông Tr2 đã tạo ra. Ông Tr cũng không đưa ra được căn cứ về mốc giới của thửa đất mà ông nhận chuyển nhượng với đất của hộ ông Tr2 mà chỉ đưa ra căn cứ chứng minh đất thiếu chiều mặt đường khi nhận chuyển nhượng là do ông Tr2 lấn chiếm. Ngoài ra, việc ông Tr căn cứ vào số liệu bản đồ để xác định ông Tr được quyền sử dụng đất mặt đường 5.5m là cũng không có cơ sở

[6] Từ những phân tích trên, thấy không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc Tr về việc đòi quyền sử dụng đất 19m² (trong đó có 3m² thuộc quy hoạch giao thông), xác định ranh giới theo hiện trạng 02 đoạn tường bao và nhà của hộ ông Tr2.

[7] Các ranh giới với thửa đất khác và ngõ chung không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về yêu cầu của Viện kiểm sát huyện Giao Thủy tại Công văn số 01/YC-VKS-DS ngày 16/7/2020, Hội đồng xét xử thấy: Các yêu cầu “*làm rõ*” mà Viện kiểm sát đề cập cũng chính là việc đánh giá, xem xét của Tòa án trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ đã thu thập như đã nêu trên. Ngoài ra, các tài liệu địa chính về thửa đất đã được thu thập tại UBND xã B và được giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Khắc Tr không được chấp nhận đáng lẽ ông Tr phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông Trần Khắc Tr là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, được chấp nhận theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điều 175 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc Tr đối với ông Nguyễn Văn Tr2 về việc đòi quyền sử dụng đất 19m² (trong đó có 3m² thuộc quy hoạch giao thông).

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất của hộ ông Trần Khắc Tr và hộ ông Nguyễn Văn Tr2 cụ thể như sau: Lấy điểm mốc số I là điểm nằm ở góc ngoài đầu phía Đông Bắc của đoạn móng tường bao phía Bắc của hộ ông Tr2; Từ điểm mốc số I kẻ một đường thẳng chạy theo mép ngoài móng tường bao về phía Nam đến điểm mốc số II là điểm nằm tại góc ngoài phía Đông Nam của đoạn móng tường bao phía Nam của hộ ông Tr2 đã xây thành điểm số II. Nối điểm số I và điểm số II tạo ra đường ranh giới đất có độ dài 33.8m. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; miễn án phí cho ông Trần Khắc Tr. Trả lại cho ông Trần Khắc Tr số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001177 ngày 31/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên